CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG
105-107 Trần Văn Dư, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM
MST : 0304772590

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 1 NĂM 2020

TP.HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông
Đ/c : 105-107 Trần Văn Dư Phường 13 Quận Tân Bình Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B 01- CTQ
Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Quý 1 năm 2020
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đvt: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**15,471,285,577**	**17,218,689,817**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**881,555,351**	**1,128,467,038**
1. Tiền	111	V.01	881,555,351	578,467,038
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	550,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.02**	**13,885,834,994**	**15,676,688,574**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		15,025,822,324	16,712,877,954
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1,139,987,330)	(1,036,189,380)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**703,595,232**	**413,234,205**
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		378,324,000	44,729,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản hoạt động nghiệp vụ	134	V.03	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	325,271,232	368,505,205
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.05**	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**300,000**	**300,000**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.06	300,000	300,000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	**200**		-	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.07	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.08	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	-	-
- Nguyên giá	222		152,754,233	152,754,233
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(152,754,233)	(152,754,233)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.13**	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-

2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**15,471,285,577**	**17,218,689,817**
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**70,629,155**	**66,507,460**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**70,629,155**	**66,507,460**
1. Vay ngắn hạn	311	V.14	-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	6,583,182	8,699,387
5. Phải trả người lao động	315		-	
6. Chi phí phải trả	316	V.17	22,727,273	22,727,273
7. Phải trả nội bộ	317		-	
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	41,318,700	35,080,800
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	V.22	-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**15,400,656,422**	**17,152,182,357**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(9,599,343,578)	(7,847,817,643)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**15,471,285,577**	**17,218,689,817**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty của quản lý quỹ	006		**2,465,360,000**	**2,351,260,000**
Trong đó:				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		2,351,160,000	2,351,260,000
6.2 Chứng khoán tạm ngưng giao dịch	008		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	011		114,200,000	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		-	-
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		-	-
9.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		-	-

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu (Ký, họ tên)	Phụ trách kế toán (Ký, họ tên)	Phó chủ tịch HĐQT (Ký, họ tên, đóng dấu)
Phạm Thị Phương Hoa	Phạm Thị Phương Hoa	Nguyễn Hữu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông
Đ/c : 105-107 Trần Văn Dư Phường 13 Quận Tân Bình Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B 02 - CTQ
Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Qúy 1 Năm 2020
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Đvt: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Q1/2020	Q1/2019	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu	01	VI.28	-	-	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.29	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		-	-	-	-
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.30	-	-	-	-
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		-	-	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.31	18,864,586	250,279,940	18,864,586	250,279,940
7. Chi phí tài chính	22	VI.32	1,484,662,437	(301,208,484)	1,484,662,437	(301,208,484)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		285,728,084	266,122,839	285,728,084	266,122,839
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		(1,751,525,935)	285,365,585	(1,751,525,935)	285,365,585
10. Thu nhập khác	31		-		-	-
11. Chi phí khác	32		-		-	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-	-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1,751,525,935)	285,365,585	(1,751,525,935)	285,365,585
- Tổng lợi nhuận chịu thuế			-	-	-	-
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.33	-		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.34	-	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(1,751,525,935)	285,365,585	(1,751,525,935)	285,365,585
17. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		-		-	-

Lập tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

Người lập	Phụ trách kế toán	Phó chủ tịch HĐQT
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
Phạm Thị Phương Hoa	Phạm Thị Phương Hoa	Nguyễn Hữu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông
Đ/c : 105-107 Trần Văn Dư Phường 13 Quận Tân Bình Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B 03- CTQ
Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC
ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 1 năm 2020
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đvt: Việt Nam đồng

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
I/.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	-
	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1,408,397)	(26,777,516)
	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(224,398,960)	(215,230,822)
	4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9,563,781,815	14,088,598,215
	7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(8,989,272,204)	(11,055,879,656)
	Lưu chuyển tiền tuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**348,702,254**	**2,790,710,221**
II/.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
	3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(550,000,000)	(3,201,401,370)
	4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3,351,401,370
	5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		(9,624,914,926)	(8,112,874,116)
	6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		9,525,560,000	8,213,905,000
	7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		53,740,985	124,260,000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(595,613,941)**	**375,290,884**
II/.	**Lưu chuyển từ hoạt động tài chính**				-
	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu,trái phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
	2. Tiền chi trả lại vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
	5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**		**(246,911,687)**	**3,166,001,105**
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		1,128,467,038	775,868,974
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (50+60)	**70**	**VII.35**	**881,555,351**	**3,941,870,079**

Ngày 31 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Phó chủ tịch HĐQT
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
Phạm Thị Phương Hoa	Phạm Thị Phương Hoa	Nguyễn Hữu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông
105 - 107 Trần Văn Dư, P. 13, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 0304772590

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Qúy 1 Năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối kỳ	
			Kỳ trước		Kỳ này			
	Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm trước	Kỳ này
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25,000,000,000	25,000,000,000					25,000,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần								
3. Vốn khác của chủ sở hữu								
4. Cổ phiếu quỹ (*)								
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản								
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái								
7. Quỹ đầu tư phát triển								
8. Quỹ dự phòng tài chính								
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu								
10. Lợi nhuận chưa phân phối	(6,684,719,955)	(7,847,817,643)	-	(1,163,097,688)		(1,751,525,935)	(7,847,817,643)	(9,599,343,578)
Cộng	**18,315,280,045**	**17,152,182,357**	**-**	**(1,163,097,688)**	**-**	**(1,751,525,935)**	**17,152,182,357**	**15,400,656,422**

TP. Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 03 năm 2020

Người lập bảng	Kế toán	Phó chủ tịch HĐQT
Phạm Thị Phương Hoa	Phạm Thị Phương Hoa	Nguyễn Hữu Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông
Đ/c : 105-107 Trần Văn Dư Phường 13 Quận Tân Bình Tp.HCM
Mã số thuế : 0304772590

Mẫu số B09- CTQ
Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** — Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** — Quản lý Quỹ, dịch vụ tài chính
3. **Ngành nghề kinh doanh** — Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ; Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán ; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán , công ty đầu tư chứng khoán
4. **Tổng số công nhân viên** — 08 người
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Quý 1 năm 2020 doanh thu chủ yếu là lãi hoạt động đầu tư chứng khoán tự doanh và lãi tiền gửi ngân hàng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành .

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2 - Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)
- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 ~ 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 ~ 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 ~ 5

Tài sản cố định vô hình	Số năm
TSCĐ vô hình khác	1 ~ 5

3 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

4 - Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước
- Chi phí khác
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

5 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

6 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

7 - Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

8 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

10 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

- Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

11 - Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đvt: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số đầu năm	Số cuối quý
Tiền mặt	3,611,685	617,203,288
Tiền gửi ngân hàng	574,855,353	264,352,063
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam CN NKKN	104,813	104,866
+ Ngân hàng Eximbank - PGD Bến Thành TK 2001.148511.79972	435,304,055	170,554,522
+ Ngân hàng Eximbank - PGD Bến Thành TK 2001.149520.00699	87,934	37,259
+ Chứng khoán VDDirect - TK 01012222668	134,571,289	86,771,059
+ Ngân hàng Nam Á - CN Lý Thường Kiệt - TK 33152 600001	1,218,742	1,221,084
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông	1,063,710	1,063,961
+ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn -TK 6480201006760	2,504,810	4,599,312
Các khoản tương đương tiền	550,000,000	-
+ Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	350,000,000	-
+ Ngân hàng Nông Nghiệp & PTNT	200,000,000	-
Cộng	1,128,467,038	881,555,351

(*) Biến động các khoản tương đương tiền là tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng trong năm như sau :

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối quý
Ngân hàng Nông Nghiệp	200,000,000	-	200,000,000	-
Ngân hàng EIB	350,000,000	-	350,000,000	-
Cộng	550,000,000	-	550,000,000	-

2. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	Số đầu năm		Số cuối quý	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Chứng khoán kinh doanh	235,126	8,712,877,954	235,116	7,025,822,324
+ Niêm yết	235,126	8,712,877,954	235,116	7,025,822,324
+ Chưa niêm yết	-	-	-	-
+ Trái phiếu	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	-	8,000,000,000	-	8,000,000,000
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	-	8,000,000,000	-	8,000,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1,036,189,380)	-	(1,139,987,330)
Cộng	235,126	15,676,688,574	235,116	13,885,834,994

Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư :

	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối quý
Chứng khoán kinh doanh	**8,712,877,954**	**9,213,829,000**	**10,900,884,630**	**7,025,822,324**
+ Cổ phiếu niên yết	8,712,877,954	9,213,829,000	10,900,884,630	7,025,822,324
+ Cổ phiếu chưa niên yết	-	-	-	-
+ Trái phiếu	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác	**8,000,000,000**	-	-	**8,000,000,000**
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	8,000,000,000	-	-	8,000,000,000
Cộng	**16,712,877,954**	**9,213,829,000**	**10,900,884,630**	**15,025,822,324**

a.Chi tiết của các chứng khoán kinh doanh như sau :

	Số đầu năm		Số cuối quý	
I. Chứng khoán kinh doanh	**Số lượng**	**Nguyên giá**	**Số lượng**	**Nguyên giá**
-Cổ phiếu	**235126**	**8,712,877,954**	**235,116**	**7,025,822,324**
+ Chứng khoán vốn đã niêm yết	***235,126***	***8,712,877,954***	***235,116***	***7,025,822,324***
Mã GTN	-	-	3,000	41,654,420
Mã STB	100	1,020,000	100	1,020,000
Mã VNM	41,760	5,193,857,280	38,760	3,928,163,990
Mã DPM	165,000	2,830,843,680	165,000	2,518,502,420
Mã BMI	23,210	582,309,030	25,000	489,440,920
Mã EIB	100	962,000	3,100	44,812,000
Mã ACB	156	2,228,574	156	2,228,574
Mã CSM	3,500	52,144,500	-	-
Mã DVP	1,300	49,512,890	-	-
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Chứng khoán khác	-	-	-	-
II. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	-
III. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	**235,126**	**8,712,877,954**	**235,116**	**7,025,822,324**

b.Chi tiết của các khoản đầu tư khác : Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng

Chi tiết các khoản tương đương tiền của tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn trên 06 tháng tại 31/03/2020

Ngân hàng	Hợp đồng	Lãi suất	Ngày đến hạn	Số tiền gửi
Nam Á	995/HĐTG/2018/LTK	8,7%/năm	20/08/2019- 20/08/2020	2,800,000,000
Nam Á	1011/HĐTG/2018/LTK	8,7%/năm	28/08/2019-28/08/2020	2,600,000,000
EIB	133/EIB-CN.HCM/BT/2019	8,3%/năm	05/04/2019-05/04/2020	2,600,000,000
Cộng				**8,000,000,000**

3. Các khoản phải thu	**Số đầu năm**	**Số cuối quý**
Phải thu khách hàng	-	-
Trả trước cho người bán	**44,729,000**	**378,324,000**
- TTLK chứng khoán tiền mua CK : VNM; DPM	44,729,000	378,324,000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	-
Phải thu khác	***368,505,205***	***325,271,232***
+ Ngân hàng EIB (lãi dự thu)	160,096,438	159,041,643
+ CTy CP Chứng khoán VNDirect (Cổ tức)	41,760,000	-
+ Ngân hàng Nam Á (lãi dự thu)	166,229,589	166,229,589
+ Ngân hàng Nông Nghiệp (lãi dự thu)	419,178	-
Cộng	**413,234,205**	**703,595,232**

4. Tài sản ngắn hạn khác	**Số đầu năm**	**Số cuối quý**
- Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
- Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	300,000	300,000
Cộng	**300,000**	**300,000**

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm		152,754,233	-	**152,754,233**
Mua sắm mới	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán			-	-
Số dư cuối năm	-	**152,754,233**	-	**152,754,233**
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		152,754,233	-	**152,754,233**
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm			-	-
Số dư cuối năm	-	**152,754,233**	-	**152,754,233**
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

6. Tài sản dài hạn khác

	Số đầu năm	Số cuối quý
Cộng	-	-

7. Vay ngắn hạn

	Số đầu năm	Số cuối quý
Cộng	-	-

8. Phải trả người bán

	Số đầu năm	Số cuối quý
Cộng	-	-

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số cuối quý
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	8,699,387	6,583,182
Các loại thuế khác		
Cộng	**8,699,387**	**6,583,182**

10. Chi phí phải trả

	Số đầu năm	Số cuối quý
Chi phí kiểm toán	22,727,273	22,727,273
Chi phí thuê nhà	-	-
Cộng	**22,727,273**	**22,727,273**

11. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số đầu năm	Số cuối quý
Kinh phí công đoàn	35,080,800	36,229,200
Các khoản BHXH	-	5,089,500
Cộng	**35,080,800**	**41,318,700**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Số kỳ trước	Số kỳ này
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	-
Cộng	-	-

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Số kỳ trước	Số kỳ trước
CP hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	-
Cộng	-	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Số kỳ trước	Số kỳ này
Lãi từ hoạt động đầu tư	101,755,440	6,838,070
Lãi từ cổ tức được chia	82,500,000	9,760,000
Lãi tiền gửi	66,024,500	2,266,516
Cộng	**250,279,940**	**18,864,586**

4. Chi phí hoạt động tài chính	Số kỳ trước	Số kỳ này
Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán	345,585,840	1,352,162,700
Dự phòng giảm giá đầu tư	(671,207,910)	103,797,950
Phí mua bán chứng khoán và chi phí khác	24,413,586	28,701,787
Cộng	**(301,208,484)**	**1,484,662,437**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Số kỳ trước	Số kỳ này
Chi phí nhân viên	226,880,946	250,687,642
Chi phí vật liệu	-	-
Chi phí công cụ đồ dùng	-	-
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3,000,000	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32,732,766	30,984,447
Chi phí bằng tiền khác	3,509,127	1,055,995
Cộng	**266,122,839**	**285,728,084**

6. Thu nhập khác	Số kỳ trước	Số kỳ này
	-	-

7. Chi phí khác	Số kỳ trước	Số kỳ này
Cộng	-	-

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chỉ tiêu

	Số đầu năm	Số cuối quý
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1,163,113,661)	(1,751,525,935)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	**(288,725,316)**	**(9,760,000)**
- *Các khoản điều chỉnh tăng*	**159,296,957**	-
+ Chi phí khác không chứng từ, hóa đơn	159,296,957	-
- *Các khoản điều chỉnh giảm*	**448,022,273**	**9,760,000**
+ Cổ tức được hưởng năm 2019	425,295,000	9,760,000
+ Chi phí khác	22,727,273	-
Lỗ năm trước được chuyển	(1,451,838,977)	(1,761,285,935)
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
+ Thuế TNDN phải nộp		-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	25,000,000,000	(6,684,719,955)	18,315,280,045
Lợi nhuận trong kỳ trước		(1,163,097,688)	(1,163,097,688)
Số dư cuối kỳ trước	**25,000,000,000**	**(7,847,817,643)**	**17,152,182,357**
Số dư đầu kỳ này	25,000,000,000	(7,847,817,643)	17,152,182,357
Lợi nhuận trong kỳ này		(1,751,525,935)	(1,751,525,935)
Số dư cuối kỳ này	**25,000,000,000**	**(9,599,343,578)**	**15,400,656,422**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn đầu tư Sài Gòn	680,000,000	680,000,000
Công ty CP Hữu Minh Phát	1,805,000,000	1,805,000,000
Cổ đông khác	22,515,000,000	22,515,000,000
Cộng	**25,000,000,000**	**25,000,000,000**

Cổ phiếu

	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**2,500,000**	**2,500,000**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**2,500,000**	**2,500,000**
- cổ phiếu phổ thông	2,500,000	2,500,000
- cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- cổ phiếu phổ thông	-	-
- cổ phiếuưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**2,500,000**	**2,500,000**
- cổ phiếu phổ thông	2,500,000	2,500,000
- cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm
3. Thông tin về các bên liên quan
4. Thông tin so sánh (những thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước
5. Thông tin về hoạt động liên tục
6. Những thông tin khác

TP. Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 03 năm 2020

Phó chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Nguyễn Hữu Tuấn

CTCP QLQ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 43/2020/CV-OMC	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2020*
V/v giải trình về biến động KQKD của Quý 1/2020 so với Quý 1/2019	

Kính gửi: **- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ điểm a khoản 4, điều 11, Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông (Công ty QLQ Phương Đông) giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ báo cáo Quý 1 năm 2020 so với kỳ báo cáo Quý 1 năm 2019 có biến động từ 10% trở lên như sau:

Đvt: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Q1/2020	Q1/2019	CHÊNH LỆCH	BIẾN ĐỘNG
1	Doanh thu tài chính	18.864.586	250.279.940	-342.460.121	-92,46%
2	Chi phí tài chính	1.484.662.437	-301.208.484	-354.537.859	592,9%
3	Chi phí quản lý	285.728.084	266.122.839	-237.560.004	7,37%
4	Thu nhập khác	-	-	-	0%
5	Chi phí khác	-	-	-	0%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-1.751.525.935	285.365.585	249.637.742	713,8%

Biến động về doanh thu, chi phí

Quý 1 năm 2020 là thời điểm bùng phát COVID-19 (dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra) mà ngày 01/04/2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 447/QĐ-TTg về việc công bố dịch. Thời gian này, thị trường chứng khoán biến động mạnh theo hướng tiêu cực (chỉ số VN-Index giảm từ 966,67 điểm ngày 01/01/2020 xuống còn 662,53 điểm ngày 31/03/2020 (giảm hơn 30%)). Danh mục đầu tư của Công ty QLQ Phương Đông là các khoản đầu tư ngắn hạn cũng bị ảnh hưởng, trong đó :

- Doanh thu trong quý 1 năm 2020 giảm 92,46% so với quý 1 năm 2019 là do lãi đầu tư giảm.
- Chi phí kinh doanh và chi phí quản lý tăng so với quý 1/2019 chủ yếu do trích dự phòng các khoản đầu tư.
- Quý 1/2020 công ty lỗ 1.751.525.935 đồng.

Kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Nguyễn Hữu Tuấn

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.